

Số: 46 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 09 tháng 01 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật,
Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành
lần thứ II, nhiệm kỳ 2014-2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Bảo trợ Người tàn tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đổi tên Hội Bảo trợ Người tàn tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành thành Hội Bảo trợ, Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành;

Xét đề nghị của ông Võ Phi May, Chủ tịch Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành tại Tờ trình số 16/TTr-HBT ngày 26/9/2014 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ Trình số 2163/TTr-SNV ngày 25/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành đã được Đại hội đại biểu Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành khóa II, nhiệm kỳ 2014-2019 thông qua ngày 26/9/2014.

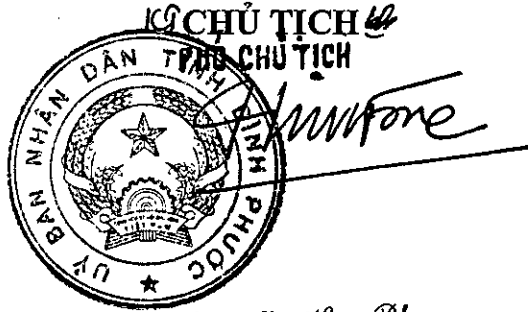
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 26/5/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ Người tàn tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành.



Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân tinh, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, PCT, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Phòng Nội vụ H. CT
- Phòng: NC-NgV;
- Lưu: VT(T-QĐ241-30/12)_{10K}



Nguyễn Huy Phong

ĐIỀU LỆ

**Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và
Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành**
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 46 /QĐ-UBND
ngày 09/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi: Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi, Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội

1. Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành (dưới đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội từ thiện, Hội đoàn kết, tập hợp các thành viên tự nguyện, có lòng nhân ái, muốn góp phần vào sự phát triển của đất nước, hoạt động vì lợi ích của người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo trên địa bàn huyện Chơn Thành.

2. Mục đích hoạt động của Hội là huy động mọi tiềm năng xã hội, của các nhà hảo tâm nhằm tổ chức các hoạt động trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, tạo điều kiện để người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo có cơ hội học tập, lao động và tiếp cận với việc làm, được chữa bệnh khi ốm đau; ổn định cuộc sống và hoà nhập cộng đồng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: Thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi địa bàn huyện Chơn Thành, trong lĩnh vực từ thiện, nhân đạo.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND huyện Chơn Thành và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.

4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ.

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tuyên truyền, vận động các tầng xã hội phát huy truyền thống của dân tộc “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách”, đùm bọc, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người không may bị khuyết tật có cơ hội phục hồi chức năng, có phương tiện di chuyển, có điều kiện học nghề và có việc làm phù hợp; các cháu mồ côi được học hành và trưởng thành; người nghèo mắc bệnh hiểm nghèo có điều kiện được khám chữa bệnh.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước động viên giúp đỡ để người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo có cơ sở thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

4. Tiếp nhận sự đóng góp của các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội, lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức và công nhân lao động, các cá nhân và tổ chức trong và ngoài huyện. Tham gia đóng góp tinh thần, vật chất để góp phần cùng nhà nước thực hiện tốt chính sách đối với người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo trên địa bàn huyện.

5. Phối hợp với các ngành chức năng, các tổ chức xã hội, các cơ sở dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật và trẻ mồ côi. Vận động xây dựng các cơ sở phục hồi chức năng cho người khuyết tật, khám chữa bệnh miễn phí cho bệnh nhân nghèo, giúp đỡ người bị bệnh hiểm nghèo có cơ hội chữa bệnh, tạo điều kiện để người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, đặc biệt là người đang gặp khó khăn có cơ hội được cải thiện cuộc sống và hoà nhập với cộng đồng.

6. Đề xuất, kiến nghị với chính quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo.

7. Tập hợp, đoàn kết và động viên người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần “tự lực cánh sinh” và khả năng của mình tham gia vào lao động sản xuất, hoạt động xã hội, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước.

8. Phối hợp với các địa phương trong và ngoài huyện trong việc tổ chức các hoạt động nhân đạo, từ thiện đối với người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo.

9. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) và UBND huyện Chơn Thành chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

10. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

11. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

12. Ban hành quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội phù hợp Điều lệ Hội, quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Được thành lập pháp nhân thuộc hội theo quy định của pháp luật.

4. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

5. Hội được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện theo quy định của pháp luật. Được nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động có gắn với nhiệm vụ của nhà nước giao.

Chương III HỘI VIÊN CỦA HỘI

Điều 8. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Là công dân, tổ chức Việt Nam trên địa bàn huyện Chơn Thành có lòng nhân ái, muốn góp phần vào hoạt động vì lợi ích của người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội đều được xét công nhận là hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên danh dự: Là công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là Hội viên danh dự.

3. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên

1. Thủ tục kết nạp hội viên: Hội viên chính thức và hội viên danh dự có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, Điều lệ này, có Đơn tự nguyện xin vào Hội thì được Ban Thường vụ Hội xét kết nạp là hội viên chính thức và hội viên danh dự.

2. Thủ tục khai trừ Hội thành viên, hội viên: Hội viên chính thức và hội viên danh dự có Đơn tự nguyện ra khỏi Hội hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật thì chấm dứt quyền hội viên chính thức và hội viên danh dự kể từ ngày có Thông báo của Ban Thường vụ Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ Hội.

4. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội.

5. Ban Kiểm tra.

6. Văn phòng Hội.

7. Các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (*hai phần ba*) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (*một phần hai*) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (*một phần hai*) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (*một phần hai*) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ quyền hạn của Hội;

đ) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

e) Các nội dung khác (*nếu có*);

f) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (*một phần hai*) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá $\frac{1}{3}$ (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp 6 (sáu) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp 03 (ba) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) Ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội (nếu có), hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Văn phòng

Văn phòng của Hội hoạt động theo quy chế riêng do Ban Chấp hành quy định.

Chương V

**CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT;
ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức Hội, hội viên vi phạm Điều lệ, Nghị quyết Đại hội hoặc làm tổn thương đến uy tín, danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị kỷ luật bằng các hình thức sau: Khiển trách, cảnh cáo, không công nhận là hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

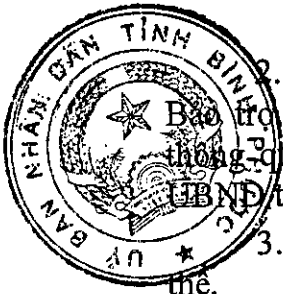
Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Bảo trợ, Người khuyết tật, Trẻ em cô và Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội chưa được quy định trong Điều lệ này thì được căn cứ vào những quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn thi hành.



2. Bản Điều lệ này đã được Đại hội Khoá II, nhiệm kỳ 2014-2019 Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi, Bệnh nhân nghèo huyện Chơn Thành thông qua ngày 26/9/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
3. Bản Điều lệ này không còn hiệu lực khi Hội ngừng hoạt động hoặc giải thể.
4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm tổ chức triển khai nội dung bản Điều lệ này đến tất cả hội viên của Hội./.